

Bản án số: 1112/2017/DS-PT
Ngày: 11/12/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Út

Ông Trương Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04 và 11 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 989/2017/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2676/2017/QĐPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; Trụ sở: Đường P, Phường B, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T**, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quốc K**, sinh năm 1993. (Văn bản ủy quyền số 59/QĐ-DAB-Q01 ngày 21/11/2017) (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Đạt S, sinh năm 1978; cư trú tại: đường L, Phường 8, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Người kháng cáo: ông **Phạm Đạt S**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Yến N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày:

Ngày 19/9/2013 Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Quận M và ông Phạm Đạt S có ký hợp đồng vay số 121/TC-01/2013 ngày 19/9/2013, đáo hạn ngày 19/9/2014; số tiền vay 800.000.000 đồng; lãi suất vay 16,2%/năm; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay tiêu dùng; biện pháp bảo đảm tín chấp. Từ khi vay đến nay ông S đã không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo đúng như các điều khoản đã ký trong hợp đồng. Tính đến ngày 25/7/2017 ông S còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 799.999.998 đồng, lãi trong hạn 131.400.000 đồng, lãi quá hạn 561.600.000 đồng. Tổng cộng 1.492.999.998 đồng. Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án buộc ông S thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Đạt S trình bày:

Ông là cổ đông của Ngân hàng TMCP Đ sở hữu 100.000 cổ phiếu. Ngày 19/9/2013 Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Quận M và ông có ký hợp đồng vay số 121/TC-01/2013 ngày 19/9/2013 đáo hạn ngày 19/9/2014; số tiền vay 800.000.000 đồng; lãi suất vay 16,2%/năm; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay tiêu dùng; biện pháp bảo đảm tín chấp. Thực tế ông đã thế chấp cho Ngân hàng Đ toàn bộ số cổ phiếu để vay số tiền trên, nhưng hai bên không có văn bản nào thể hiện việc thế chấp này. Từ khi vay đến nay ông chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo đúng như các điều khoản đã ký trong hợp đồng. Tính đến ngày 25/7/2017 ông còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 799.999.998 đồng; về lãi suất Ngân hàng Đ đã tính lãi trong hạn 131.400.000 đồng, lãi quá hạn 561.600.000 đồng. Tổng cộng 1.492.999.998 đồng. Theo ông khi đến hạn trả nợ thì Ngân hàng phải tự xử lý số cổ phiếu để thu hồi nợ (cán trừ vào tiền vay, số còn lại mới yêu cầu ông trả nợ), nhưng Ngân hàng Đ không thực hiện việc thanh lý cổ phiếu. Nay ông chỉ đồng ý trả số nợ gốc 799.999.998 đồng trong thời hạn 01 năm, không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đồng ý giảm lãi suất cho ông S, cụ thể yêu cầu trả nợ gốc 799.999.998 đồng, lãi từ ngày 19/9/2013 đến ngày 30/8/2017 Ngân hàng tự nguyện tính mức lãi suất 7,3%/năm. Cụ thể: Lãi trong hạn 59.211.111 đồng, lãi quá hạn 174.551.111. Tổng lãi là 233.762.222 đồng. Tổng số nợ yêu cầu thanh toán gốc và lãi là 1.033.762.220 (Một tỷ không trăm ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi) đồng.

- Bị đơn ông S đồng ý trả nợ gốc 799.999.998 đồng trong thời hạn 01 năm, đồng ý trả lãi suất trong hạn 8%/năm nhưng không đồng ý trả lãi quá hạn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 989/2017/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B đã quyết định:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và

Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án).

Áp dụng khoản 1 Điều 302; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ: Buộc ông Phạm Đạt S phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi là 1.033.762.220 (Một tỷ không trăm ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi) đồng.

Thực hiện thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phạm Đạt S còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 121/TC-01/2013 ngày 19/9/2013, kể từ ngày 31/8/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

2/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Đạt S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.012.867 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền án phí đã tạm nộp là 26.475.300 đồng theo biên lai số 0003397 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/9/2017, bị đơn ông Phạm Đạt S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đồng ý trả phần nợ gốc, đề nghị xem xét lại phần lãi suất ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Đạt S trình bày:

Ông thừa nhận việc có ký hợp đồng dịch vụ thấu chi số tiền 800.000.000 đồng với Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Quận M bằng hình thức vay tiền qua thẻ, ông đã thế chấp toàn bộ 100.000 cổ phần của Ngân hàng Đ để đảm bảo cho khoản vay. Mặc dù việc thế chấp này không lập thành văn bản nhưng việc xử lý tài sản đảm bảo đã được quy định rõ tại khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng, theo đó nếu quá 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản của ông đang do Ngân hàng quản lý mà không cần có trước sự đồng ý của ông. Như vậy Ngân hàng có toàn quyền sử dụng 100.000 cổ phần của ông để thu hồi nợ gốc và lãi, tuy nhiên Ngân hàng đã không thực hiện mà đã để lãi phát sinh đến ngày hôm nay. Do đó ông kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, ông chỉ đồng ý trả khoản nợ còn lại sau khi Ngân hàng đã trừ đi giá trị số cổ phần mà ông đã thế chấp.

Ông Trần Quốc K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ trình bày :

Ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Giữa Ngân hàng và ông S không có thỏa thuận về thế chấp 100.000 cổ phần vì vậy khi số nợ vay đến hạn, Ngân hàng không thể tự xử lý khi không có văn bản đề nghị hoặc ủy quyền từ ông S đối với 100.000 cổ phần để thu nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Ông S không có chứng cứ thể hiện việc ông có thế chấp 100.000 cổ phần của mình cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay. Trên thực tế ông S đã vay 800.000.000 đồng nên phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo lời trình bày của các bên đương sự thì vào ngày 19/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Quận M và ông Phạm Đạt S có ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ (là hình thức vay tiền qua thẻ), theo đó Ngân hàng đồng ý cấp cho ông S hạn mức thấu chi 800.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng, lãi suất trong hạn là 1,35%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, hình thức đảm bảo ghi trên hợp đồng là tín chấp. Từ khi ký hợp đồng vay cho đến nay, phía ông S chưa thanh toán cho Ngân hàng một khoản tiền nào theo như các điều khoản đã ký kết. Nay ông S kháng cáo yêu cầu được cản trừ giá trị số cổ phần mà ông đã thế chấp cho Ngân hàng vào số nợ gốc và lãi phải trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ký ngày 19/9/2013 đã thể hiện rõ hình thức đảm bảo thấu chi giữa Ngân hàng và ông S là tín chấp, không có thế chấp hay cầm cố tài sản, không có văn bản nào thể hiện có sự thế chấp 100.000 cổ phần của ông S cho Ngân hàng để đảm bảo khoản nợ vay. Do đó cho dù ông S là cổ đông của Ngân hàng, có 100.000 cổ phần của Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng cũng không có quyền tự xử lý 100.000 cổ phần của ông S để thu hồi nợ gốc và lãi. Tại cấp sơ thẩm, ông S không có yêu cầu phản tố đối với việc xử lý 100.000 cổ phần của ông tại Ngân hàng do đó cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết yêu cầu kháng

cáo này. Như vậy, ông S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng toàn bộ phần nợ gốc và lãi suất theo đúng thỏa thuận trên Hợp đồng. Phía Ngân hàng đã tự nguyện giảm phần lãi suất trong hạn cũng như lãi suất quá hạn cho ông S xuống còn 7,3%/năm, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng để buộc ông S phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi 1.033.762.220 đồng là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[3] Ông S phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 302, Điều 474 của Bộ luật Dân Sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Phạm Đạt S

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Phạm Đạt S phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 1.033.762.220 (Một tỷ không trăm ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi) đồng trong đó bao gồm: nợ gốc là 799.999.998 (Bảy trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám) đồng, lãi trong hạn là 59.211.111 (Năm mươi chín triệu hai trăm mười một nghìn một trăm mười một) đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 19/9/2014 đến ngày 30/8/2017 là 174.551.111 (Một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm năm mươi một nghìn một trăm mười một) đồng theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 121/TC-01/2013 ngày 19/9/2013.

Ông Phạm Đạt S còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất 7,3%/năm kể từ ngày 31/8/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

2/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Đạt S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.012.867 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm mười hai nghìn tám trăm sáu mươi bảy) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền án phí đã tạm nộp là 26.475.300 (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm) đồng theo biên lai số 0003397 ngày 14/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

Ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông S đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0019318 ngày 14/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung